



BỘ CÔNG THƯƠNG



CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN 2015

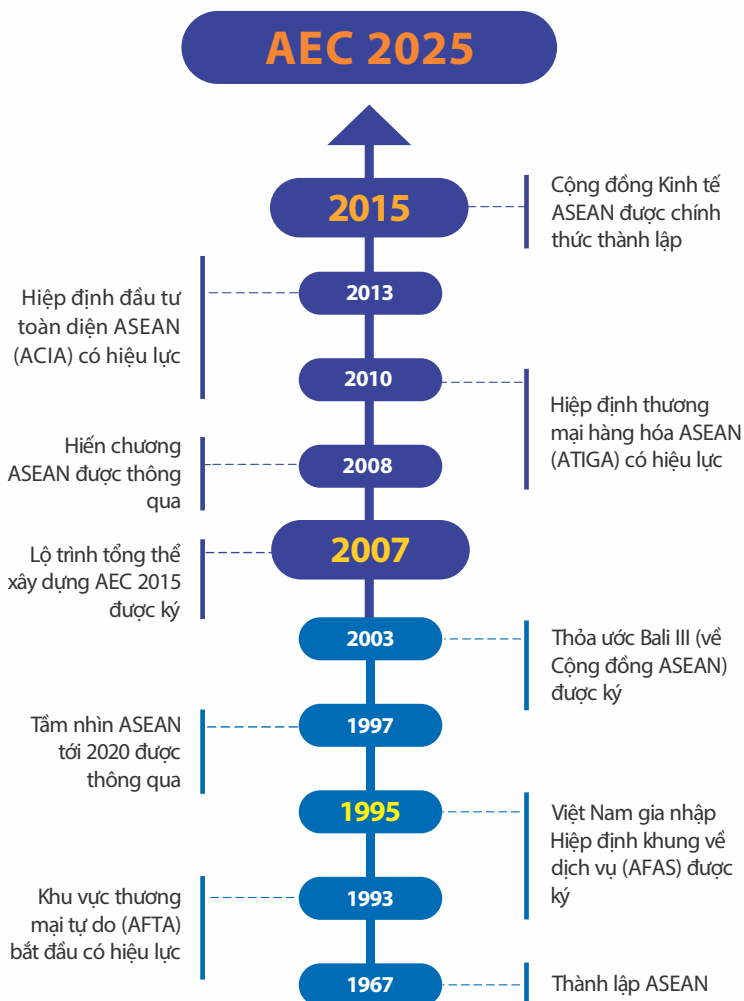
KẾT QUẢ HỘI NHẬP VÀ CƠ HỘI CHO DOANH NGHIỆP, NGƯỜI DÂN VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

AEC 2015 là gì?

Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) 2015 là kết quả của tiến trình hội nhập kinh tế khu vực giữa 10 nước thành viên ASEAN từ năm 1967 (đối với Việt Nam là 20 năm từ 1995). Tầm nhìn xây dựng AEC được các Nhà Lãnh đạo ASEAN đặt ra tại Lễ kỷ niệm thành lập ASEAN lần thứ 30 vào năm 1997, với mục tiêu phát triển ASEAN thành một khu vực kinh tế thịnh vượng thông qua tự do hóa và thuận lợi hóa thương mại và đầu tư trong khu vực. Tầm nhìn này được thảo luận từ năm 2003 đến 2007, cụ thể hóa và đúc kết thành Lộ trình Tổng thể Xây dựng AEC 2015 với các chương trình, kế hoạch hành động rõ ràng. Lộ trình này được các Nhà Lãnh đạo ASEAN ký kết vào năm 2007, đẩy nhanh mục tiêu thành lập AEC từ năm 2020 xuống năm 2015.



AEC 2015 gồm 4 trụ cột:

1



Một thị trường và Cơ sở sản xuất chung

- » Xóa bỏ rào cản đối với thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ
- » Tạo thuận lợi cho đầu tư, dòng vốn và lao động có tay nghề nội khối.

2



Một khu vực kinh tế cạnh tranh cao

- » Cạnh tranh công bằng, nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực và mỗi thành viên
- » Thể chế và luật lệ cho phép doanh nghiệp cạnh tranh trên một sân chơi bình đẳng.

3



Một khu vực phát triển kinh tế đồng đều

- » Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ
- » Thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước thành viên ASEAN, đặc biệt là giữa nhóm nước Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam với 6 nước còn lại.

4



Một khu vực hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu

- » Các sáng kiến hợp tác kinh tế với các đối tác thương mại, đầu tư ngoài khu vực
- » Các hiệp định khu vực thương mại tự do giữa ASEAN với 6 đối tác bao gồm: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Australia và New Zealand.

Tại sao ASEAN quan trọng?

ASEAN là một khu vực kinh tế có quy mô đáng kể, năng động và ngày càng lớn mạnh trên phạm vi toàn cầu, với mục tiêu phát triển ổn định và thịnh vượng

ASEAN không phải là:



Liên minh hải quan

(chưa có thuế quan ngoại khối chung)



Liên minh kinh tế

(chưa có chính sách kinh tế chung)



Liên minh tiền tệ

(chưa có đồng tiền chung)



Hội nhập kinh tế toàn diện

(chưa có chính sách tài khóa, tiền tệ chung; không thiết lập thể chế siêu quốc gia)

ASEAN:

» Là một thị trường với 622 triệu người tiêu dùng và tổng GDP 2,6 ngàn tỷ đô la Mỹ, là nền kinh tế khu vực đứng thứ 7 trên thế giới, thứ 3 châu Á, có tiềm năng vô cùng to lớn cho các doanh nghiệp.

» Thu hút các thương nhân và nhà đầu tư toàn cầu. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ASEAN tăng trưởng tốt, đạt 120 tỷ đô la Mỹ vào năm 2015. Việt Nam đứng thứ 5 trong ASEAN về tiếp nhận đầu tư, đồng thời đang gia tăng đầu tư sang các nước ASEAN.

» Dự kiến tiếp tục tăng trưởng nhanh và bền vững, ở tốc độ bình quân 5,4% từ năm 2015 tới 2018.

» Là đối tác thương mại lớn thứ 2 của Việt Nam. Năm 2015, ASEAN chiếm xấp xỉ 13% thương mại của Việt Nam với thế giới.

Ý nghĩa của AEC2015 đối với người dân và doanh nghiệp Việt Nam?

Các biện pháp mà các nước thành viên ASEAN đã thực hiện có phạm vi rộng trên cơ sở tiềm năng của ASEAN và đem lại cơ hội cho người dân và doanh nghiệp Việt Nam:

» Doanh nghiệp sản xuất được tiếp cận nguồn đầu vào (nguyên nhiên vật liệu, hàng hóa trung gian) giá thấp hơn do hàng rào thuế quan cơ bản được xóa bỏ và chi phí giao dịch, thương mại trong ASEAN giảm xuống.

» Doanh nghiệp xuất khẩu được hưởng lợi do chi phí giảm và thủ tục xuất khẩu thuận lợi hơn, nhờ việc cắt giảm thuế quan, quy tắc xuất xứ linh hoạt và thủ tục hải quan thuận lợi hơn, cùng nhiều lợi thế khác là kết quả của hợp tác khu vực.

» Doanh nghiệp dịch vụ có cơ hội tiếp cận thị trường các nước thành viên ASEAN khác do các biện pháp phân biệt đối xử trong ASEAN được xóa bỏ.

» Nhà đầu tư có thể tham gia các dự án đầu tư đa dạng trên toàn khu vực một cách thuận lợi hơn do luật và quy định trở nên minh bạch, các hạn chế về vốn góp nước ngoài được nới lỏng và đầu tư được bảo hộ hiệu quả hơn.

» Lao động có tay nghề có nhiều cơ hội việc làm trong ASEAN.

» Người tiêu dùng có nhiều sự lựa chọn về chủng loại hàng hóa và dịch vụ với giá cả tốt hơn.

Tự do hóa thương mại hàng hóa

Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA)

Hiệp định ATIGA (tiền thân là Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung cho Khu vực thương mại tự do ASEAN, gọi tắt là CEPT-AFTA, năm 1992) có hiệu lực từ năm 2010 quy định:

» Nghĩa vụ cắt giảm hay xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với các hàng hóa của các nước thành viên ASEAN đáp ứng tiêu chí xuất xứ ASEAN.

» Quy tắc xuất xứ linh hoạt để xác định hàng hóa đáp ứng và hưởng ưu đãi.

Hiệp định ATIGA kèm biểu cam kết về thuế nhập khẩu của các nước thành viên ASEAN với quy định cụ thể về quy tắc xuất xứ sản phẩm.

Giảm thiểu hàng rào thuế quan và nới lỏng quy tắc xuất xứ

Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan đã xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với gần như toàn bộ các mặt hàng trong biểu nhập khẩu của các nước này từ năm 2010 (99,2% các dòng thuế trong biểu thuế nhập khẩu của mỗi nước, trừ một số mặt hàng nông sản hay mặt hàng thuộc danh mục loại trừ). Từ đầu năm 2015, Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam đã xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 90,9% tổng số các mặt hàng trong biểu thuế nhập khẩu của mình, và năm 2018 sẽ tự do hóa 97,81% các dòng thuế trong biểu thuế nhập khẩu (trừ các mặt hàng nông sản được xác định là nhạy cảm của mỗi nước, và các mặt hàng thuộc danh mục loại trừ được tiếp tục duy trì mức thuế nhập khẩu hiện tại).

Danh mục loại trừ

Danh mục loại trừ là các sản phẩm không phải cam kết cắt giảm hay xóa bỏ thuế nhập khẩu vì các lý do như an ninh quốc gia (súng ống, đạn dược), bảo vệ đạo đức công cộng (nha phiến), sức khỏe con người, động vật, thực vật, gìn giữ cổ vật quý giá, v.v.

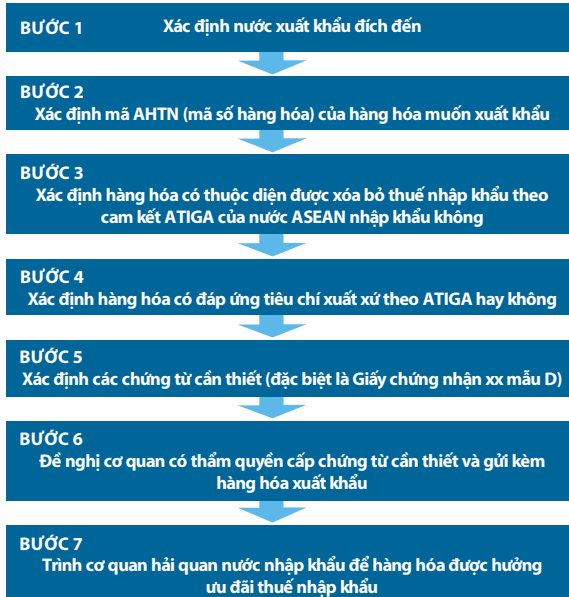
Ý nghĩa đối với doanh nghiệp xuất khẩu từ Việt Nam

Doanh nghiệp xuất khẩu từ Việt Nam được hưởng lợi từ việc xuất khẩu hàng hóa sang thị trường các nước thành viên ASEAN vì các hàng hóa này sẽ không phải chịu mức thuế nhập khẩu hay được hưởng mức thuế nhập khẩu thấp. Quy tắc xuất xứ đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam để được hưởng ưu đãi cũng rất linh hoạt, cho phép việc cộng gộp giá trị của các đầu vào sản xuất mà doanh nghiệp tại Việt Nam nhập từ ASEAN để tính vào xuất xứ của hàng hóa sản xuất tại Việt Nam xuất khẩu sang ASEAN và nhiều thị trường lớn ngoài ASEAN.

10 mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang thị trường ASEAN và được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu



Các bước để nhà xuất khẩu được hưởng lợi ưu đãi thuế quan theo Hiệp định ATIGA



Để đáp ứng tiêu chí xuất xứ, hàng hóa xuất khẩu phải:

Được thu hoạch hoặc sản xuất hoàn toàn tại nước xuất khẩu (xuất xứ thuần túy, định nghĩa tại Hiệp định ATIGA, phần quy tắc xuất xứ)

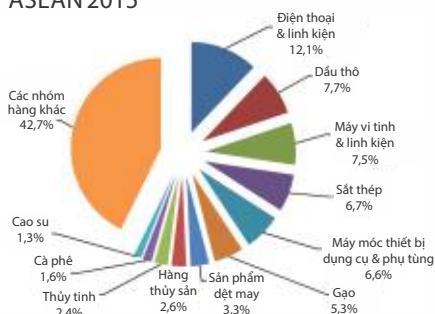
Hoặc

Được chế biến tại nước xuất khẩu và đáp ứng một trong các quy tắc sau:

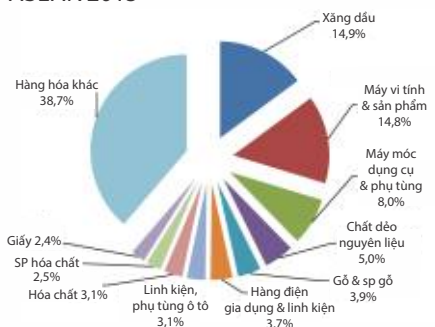
- » Thay đổi phân loại hàng hóa (CTC)
 - Hàng hóa chế biến ra được phân loại trong biểu thuế khác với hàng hóa đầu vào, nguyên vật liệu đầu vào nhập khẩu hay không có xuất xứ được sử dụng trong quá trình chế biến (ở cấp độ 4 số hoặc 6 số đối với một số loại hàng hóa)
 - » Hàm lượng giá trị khu vực (RVC)
 - Giá trị gia tăng trong nước hay tổng giá trị của khu vực ASEAN cấu thành hàng hóa chế biến ra phải đạt ít nhất 40% tổng giá trị sản phẩm
 - » Quy tắc chế biến (PR)
 - Quá trình chế biến đặc trưng hàng hóa phải diễn ra tại nước xuất khẩu
- Các tiêu chí xuất xứ đầy đủ có thể tham khảo trong Hiệp định ATIGA, phần quy tắc xuất xứ.

Kết quả trong thương mại hàng hóa

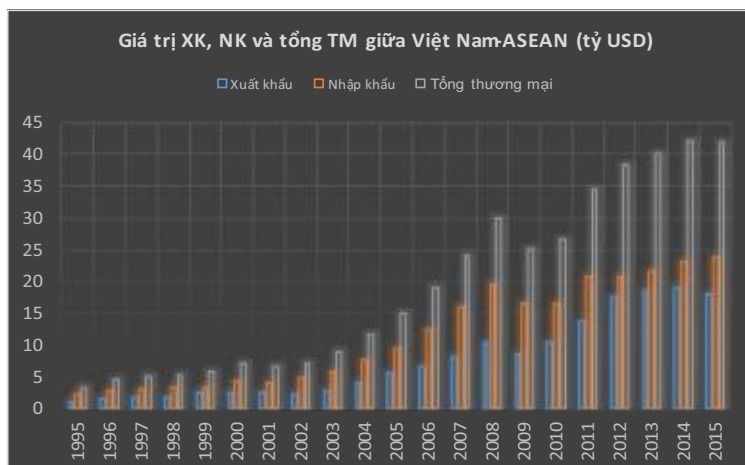
Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu sang ASEAN 2015



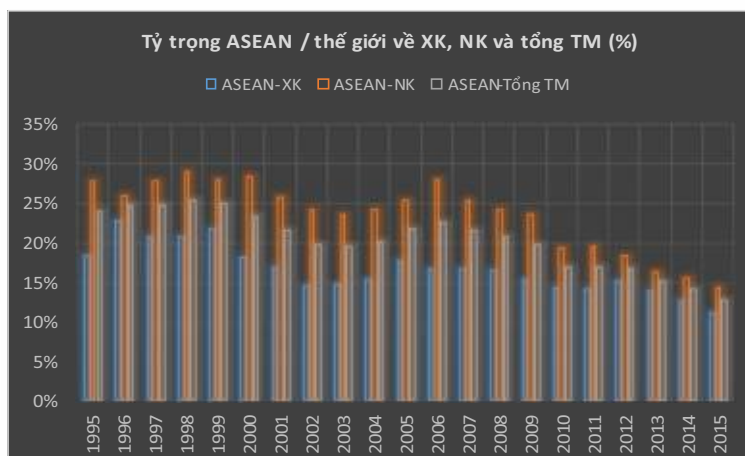
Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu từ ASEAN 2015



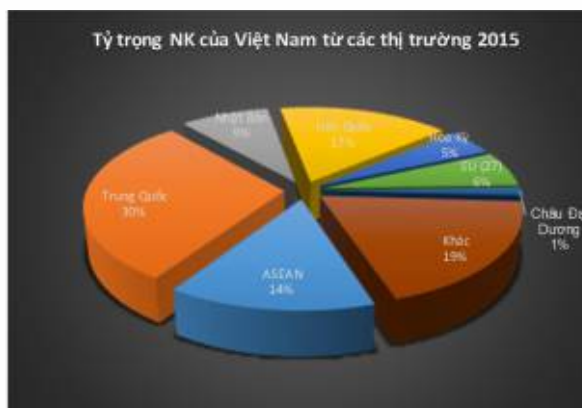
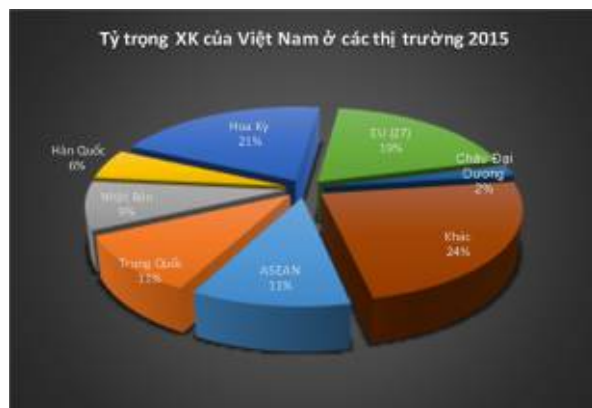
» Về giá trị, xuất khẩu, nhập khẩu và tổng thương mại hàng hóa của Việt Nam với khu vực ASEAN đã tăng tương ứng là 18, 10 và 12 lần trong giai đoạn từ 1995 đến 2015, đạt tương ứng khoảng 18, 23 và 41 tỷ USD vào năm 2015.



» Tuy nhiên, tỷ trọng thương mại của Việt Nam với ASEAN trong tổng thương mại của Việt Nam với thế giới có xu hướng giảm (cả xuất khẩu và nhập khẩu), đặc biệt là từ năm 2006 tới nay. Năm 2015, tỷ trọng xuất khẩu, nhập khẩu và tổng thương mại với ASEAN tương ứng khoảng 11%, 14% và 13%.



» Xu hướng này do sự gia tăng tỷ trọng thương mại của Việt Nam với các đối tác ngoài khối: i) Tăng xuất khẩu vào Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản, và ii) Tăng nhập khẩu từ Trung Quốc và Hàn Quốc.



Hội nhập hải quan

Bổ sung cho việc cắt giảm thuế quan, các nước thành viên ASEAN đã thực hiện nhiều biện pháp thuận lợi hóa và đơn giản hóa thủ tục hải quan, nổi bật là:



Tự chứng nhận xuất xứ

Hai dự án thí điểm tự chứng nhận xuất xứ đang được triển khai trong ASEAN. Theo đó, doanh nghiệp được tự chứng nhận hàng hóa xuất khẩu của mình đáp ứng quy tắc xuất xứ và được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định ATIGA. Doanh nghiệp không phải lấy Giấy chứng nhận xuất xứ từ cơ quan cấp và nhờ đó giảm chi phí hành chính. Dự án thí điểm thứ nhất được thực hiện từ tháng 11 năm 2010, gồm các nước Brunei, Campuchia, Malaysia, Myanmar, Singapore và Thái Lan. Dự án thí điểm thứ hai được thực hiện từ tháng 1 năm 2014 và có sự tham gia của Indonesia, Lào, Philippines, Thái Lan và Việt Nam. ASEAN đang đàm phán việc nhập hai dự án thí điểm này thành một cơ chế chung trong thời gian tới.



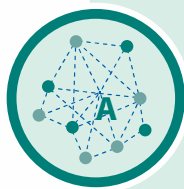
Biểu thuế quan hài hòa ASEAN (AHTN)

Từ năm 2003, các nước thành viên ASEAN đã thống nhất một biểu thuế quan 8 số căn cứ theo Hệ thống mã và mô tả hàng hóa hài hòa của Tổ chức hải quan thế giới (WCO). Biểu thuế này được sử dụng làm cơ sở cho các nước xây dựng biểu thuế của mình và nhờ đó, việc phân loại hàng hóa của doanh nghiệp giữa các nước ASEAN trở nên nhất quán và minh bạch. Biểu thuế này được rà soát định kỳ 5 năm một lần. Biểu AHTN 2012 là mới nhất và sẽ được điều chỉnh tiếp vào năm 2017.



Hệ thống hải quan điện tử quá cảnh (ACTS)

ACTS là hệ thống hải quan tự động cho phép doanh nghiệp nộp tờ khai quá cảnh hải quan điện tử cho cơ quan hải quan của các nước thành viên ASEAN và cho phép các cơ quan hải quan trao đổi dữ liệu với nhau. Nhờ đó, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp tờ khai hải quan điện tử một lần theo mẫu cho mỗi chuyến hàng quá cảnh. Hệ thống này được thực hiện thí điểm từ tháng 5/2016, dự kiến sẽ đi vào hoạt động chính thức vào cuối 2016.



Cơ chế Một cửa ASEAN (ASW)

Cơ chế Một cửa ASEAN là hệ thống kết nối 10 cơ chế một cửa quốc gia ASEAN (NSW). Mỗi NSW cho phép việc nộp thông tin một lần và đồng bộ hóa mọi thông tin, phục vụ cho quá trình ra quyết định về thông quan. Nhờ đó, việc thông quan được tiến hành nhanh chóng, giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp khi tiến hành các giao dịch qua biên giới. 5 nước ASEAN đã kết nối với nhau gồm có Việt Nam, Indonesia, Malaysia, Singapore và Thái Lan, tập trung vào trao đổi thông tin về C/O mẫu D và tờ khai hải quan (ACDD).

Về cơ bản, điểm khác biệt chính giữa hai dự án thí điểm tự chứng nhận xuất xứ này là trong dự án thí điểm thứ nhất, thương nhân xuất khẩu hay thương nhân nhập khẩu có thể tự chứng nhận, trong khi trong dự án thí điểm thứ hai, chỉ doanh nghiệp sản xuất được tự chứng nhận khi xuất khẩu hàng hóa của mình.

Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 28/2015/TT-BCT ngày 20 tháng 8 năm 2015 quy định việc thực hiện thí điểm tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ASEAN với các tiêu chí về doanh nghiệp tham gia là:

- (i) Là nhà sản xuất đồng thời là người xuất khẩu hàng hóa do chính thương nhân sản xuất;
- (ii) Không vi phạm quy định về xuất xứ trong hai (02) năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký;
- (iii) Kim ngạch xuất khẩu đi ASEAN được cấp C/O mẫu D năm trước liền kề đạt tối thiểu 10 triệu đô la Mỹ;
- (iv) Có cán bộ được đào tạo, được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận về xuất xứ hàng hóa do đơn vị đào tạo được Bộ Công Thương chỉ định cấp.

Việt Nam chính thức thực hiện Cơ chế Một cửa Quốc gia và kết nối kỹ thuật Cơ chế Một cửa ASEAN ngày 8 tháng 9 năm 2015. Ở trong nước, Cơ chế này kết nối các Bộ: TC, CT, GTVT, NN&PTNT, TN&MT, Y tế, KH&CN, TT&TT, VH&DL để đảm bảo một cửa đối với các thủ tục quản lý chuyên ngành liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.



CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP
QUỐC TẾ

Tiêu chuẩn, Quy chuẩn và Đánh giá tuân thủ

Các nỗ lực của ASEAN trong việc hài hòa hóa tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và thủ tục đánh giá tuân thủ với tiêu chuẩn khu vực và quốc tế đã giúp tăng cường kết nối về thể chế giữa các cơ quan chức năng trong khu vực

Biện pháp	Lợi ích
Hài hòa hóa tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật Kết quả » Hài hòa hóa được khoảng 300 tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật » Đã ký 3 khuôn khổ hài hòa: (i) Chương trình hài hòa ASEAN về quản lý mỹ phẩm; (ii) Chế độ hài hòa ASEAN về quản lý thiết bị điện và điện tử (AHEEER); và (iii) Chỉ thị ASEAN về thiết bị y tế (AMDD) » Đang đàm phán 2 khuôn khổ hài hòa về thuốc truyền thống và thực phẩm chức năng	Việc hài hòa hóa tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trong một ngành sẽ giúp doanh nghiệp ở hai cấp độ như sau: (i) Gia tăng cơ hội thị trường trong ASEAN Hàng hóa được thử nghiệm chứng minh tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật tại Việt Nam cũng sẽ được thừa nhận ở các nước thành viên ASEAN khác. (ii) Gia tăng cơ hội thị trường trên các thị trường quốc tế Một số tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của ASEAN được hài hòa hóa với tiêu chuẩn quốc tế nên hàng hóa được thử nghiệm chứng minh tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật ASEAN tại Việt Nam cũng sẽ được thừa nhận trên phạm vi quốc tế ở các nước ngoài khối cũng áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế này.
Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) về đánh giá tuân thủ Kết quả » Đã ký 2 MRA về: i) thiết bị điện và điện tử; ii) kiểm tra thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP). » Chuẩn bị ký MRA về báo cáo nghiên cứu tương đương sinh học » Đang đàm phán để ký 3 MRA khác về: i) hệ thống chứng nhận và kiểm nghiệm vệ sinh đối với thực phẩm chế biến sẵn; ii) phê duyệt kiểu dáng sản phẩm ô tô; và iii) nguyên vật liệu xây dựng.	Thừa nhận lẫn nhau giúp doanh nghiệp giảm thời gian và chi phí để cung cấp hàng hóa ra thị trường nhờ loại bỏ việc thử nghiệm trùng lặp không cần thiết trong ASEAN, đặc biệt đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

9 lĩnh vực ưu tiên hài hòa hóa và thừa nhận lẫn nhau tới nay



Thiết bị điện và điện tử



Thiết bị y tế



Dược phẩm



Mỹ phẩm



Ô tô



Thực phẩm chế biến



Thuốc truyền thống và thực phẩm chức năng



Sản phẩm cao su



Vật liệu xây dựng

Tự do hóa thương mại dịch vụ

Hiệp định khung về dịch vụ ASEAN (AFAS)

Hiệp định AFAS từ năm 1996 tạo ra:

» Khuôn khổ tự do hóa từng bước tiếp cận thị trường các nước thành viên ASEAN

» Cơ chế đàm phán loại bỏ dần các rào cản phân biệt đối xử đối với các nhà cung ứng dịch vụ và dịch vụ trên thị trường các nước thành viên ASEAN.

Tới nay trong khuôn khổ AFAS, các nước ASEAN đã đưa ra 9 Gói cam kết về dịch vụ hàng không, 6 Gói cam kết về dịch vụ tài chính và 9 Gói cam kết về các dịch vụ chung khác, giúp loại bỏ các hạn chế đối với việc cung ứng dịch vụ qua biên giới đối với ít nhất 90 phân ngành trong tổng số 155 phân ngành dịch vụ theo phân loại của WTO (W120), cho phép tỷ lệ góp vốn của doanh nghiệp nước ngoài là thành viên ASEAN trên 50% đối với một số lượng lớn các phân ngành kể trên.

Các rào cản đã xóa bỏ hay giảm thiểu

Các nước thành viên ASEAN cam kết xóa bỏ hay giảm thiểu các rào cản về:



Số lượng nhà cung cấp dịch vụ



Giá trị tài sản dịch vụ hay giao dịch dịch vụ



Số lượng hoạt động dịch vụ hay hạn chế về số lượng đầu ra



Số lượng nhân viên có thể thuê mượn



Loại hình doanh nghiệp được phép thành lập để cung ứng dịch vụ



Tỷ lệ góp vốn của nước ngoài

Ý nghĩa đối với doanh nghiệp cung ứng dịch vụ Việt Nam

Doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội tham gia cung cấp dịch vụ qua biên giới cho doanh nghiệp, người tiêu dùng của các nước thành viên ASEAN khác một cách bình đẳng, đặc biệt là các dịch vụ sau:



Dịch vụ xây dựng



Dịch vụ vận tải hàng không



Dịch vụ vận tải hàng hải



Dịch vụ du lịch



Dịch vụ viễn thông



Dịch vụ hậu cần



Dịch vụ tài chính

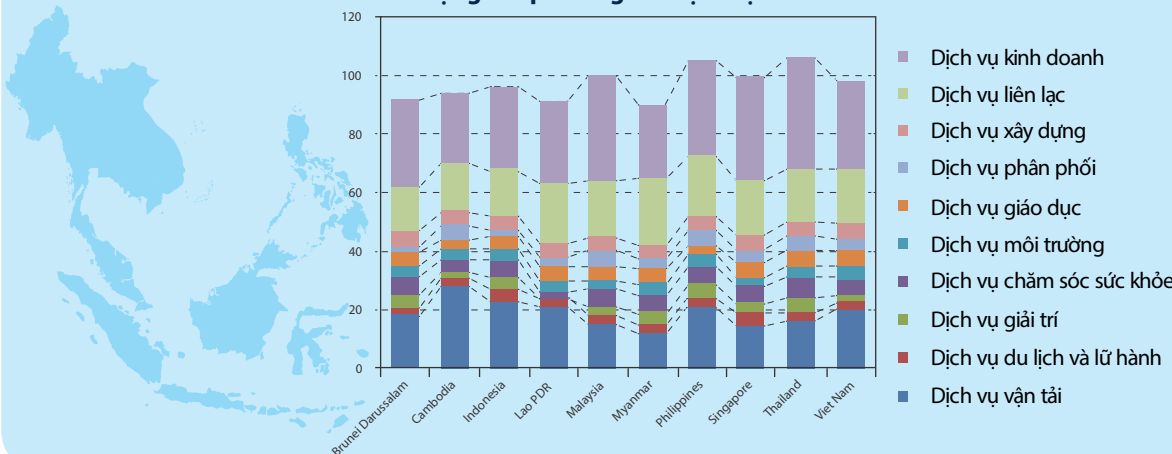


Dịch vụ máy tính



Dịch vụ chuyên môn

Số lượng các phân ngành dịch vụ cam kết của các nước ASEAN



Tạo thuận lợi cho thương mại dịch vụ

Hiệp định di chuyển thể nhân ASEAN (MNP): Cơ hội cho người lao động có tay nghề

Việc cho phép di chuyển của người lao động có tay nghề là một yếu tố quan trọng tạo thuận lợi cho việc cung ứng dịch vụ. Vì thế, các nước thành viên ASEAN đã ký kết Hiệp định MNP năm 2012 nhằm tạo ra khung pháp lý cho việc di chuyển tạm thời của lao động có tay nghề qua biên giới các nước ASEAN. Hiệp định MNP hỗ trợ Việt Nam ở hai khía cạnh: i) giúp doanh nghiệp Việt Nam khi cung ứng dịch vụ ở các nước ASEAN có thể đưa người lao động Việt Nam có tay nghề sang làm việc; ii) góp phần vào việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài do doanh nghiệp nước ngoài có thể tiếp cận nguồn lao động có tay nghề của ASEAN để cung ứng dịch vụ tại Việt Nam trong trường hợp Việt Nam thiếu hụt lao động cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA)

Các nước ASEAN đã ký kết 8 MRA về bằng cấp của lao động có tay nghề trong các lĩnh vực:



Dịch vụ kỹ thuật



Dịch vụ y tá, điều dưỡng



Dịch vụ khảo sát



Dịch vụ kiến trúc



Dịch vụ nha khoa



Hành nghề y



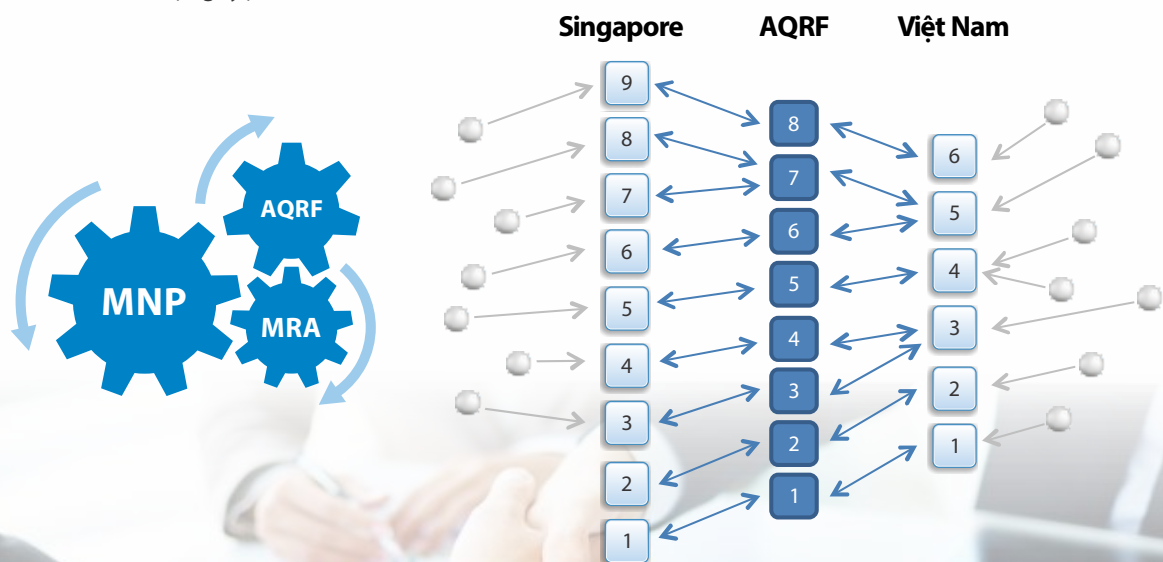
Dịch vụ kế toán



Dịch vụ du lịch

Khung Tham chiếu Trình độ ASEAN (AQR)

AQR được coi là "thước đo chung" để đo năng lực đạt được (trình độ, kỹ năng) từ tất cả các bậc đào tạo giữa các nước ASEAN (trên cơ sở tự nguyện). Sơ đồ như sau:



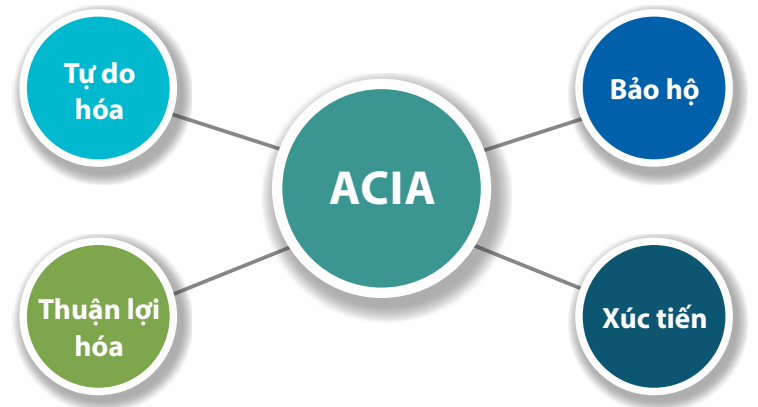
Thúc đẩy đầu tư

Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA) chứa đựng

- » Cam kết thuận lợi hóa, xúc tiến, bảo hộ và tự do hóa đầu tư qua biên giới giữa các nước thành viên ASEAN
- » Thực hành tối ưu quốc tế về đối xử với đầu tư và nhà đầu tư, đơn giản hóa và thuận lợi hóa thủ tục kinh doanh, tăng cường bảo hộ đầu tư.

Thuận lợi hóa, tự do hóa, bảo hộ và xúc tiến đầu tư

Các nước thành viên ASEAN cam kết xây dựng một mạng lưới đầu tư gắn kết và có tác dụng xúc tiến đầu tư nội khối ASEAN cũng như đầu tư ngoại khối vào ASEAN. Hiệp định ACIA đặt ra các nghĩa vụ ràng buộc đối với các nước thành viên ASEAN trong việc xây dựng một môi trường đầu tư tự do, thuận lợi, minh bạch và cạnh tranh trong ASEAN, qua đó thu hút đầu tư và nhà đầu tư. Hiệp định ACIA đã vận dụng những thông lệ tối ưu quốc tế trong việc bảo hộ nhà đầu tư tại bất kỳ nước thành viên ASEAN nào, nới lỏng các hạn chế về đầu tư, thúc đẩy minh bạch hóa về luật và quy định đầu tư, cũng như những thay đổi về chính sách để tạo ra một môi trường ổn định và dễ đoán định hơn cho nhà đầu tư.



Cơ chế tự do hóa của ACIA

- » Điều chỉnh 5 lĩnh vực: Sản xuất công nghiệp; Nông nghiệp; Thủy sản; Lâm nghiệp; Khai khoáng, khai thác đá; và Các dịch vụ liên quan của các lĩnh vực này (CPC 881-885)
- » Cho phép mỗi nước ASEAN duy trì một số biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ đối xử quốc gia (NT) và nghĩa vụ liên quan đến nhân sự quản lý cấp cao và hội đồng quản trị (SMBD) nếu đưa ra một cách minh bạch và công khai các biện pháp này vào Danh mục bảo lưu của mình.
- » Yêu cầu rà soát danh mục bảo lưu của mỗi nước theo hướng giảm dần các biện pháp không phù hợp nêu trên.

Brunei, Lào và Myanmar rà soát và tự do hóa hơn về đầu tư:

- Brunei: hạn chế các biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ NT chỉ trong 3 lĩnh vực là nông nghiệp, thủy sản và các dịch vụ liên quan
- Lào: bỏ sản xuất công nghiệp khỏi phạm vi bảo lưu của nước này
- Myanmar: bỏ các hạn chế đầu tư nước ngoài đối với một số ngành hàng như tắm lợp tôn, dược phẩm (trừ thuốc truyền thống)...

Nghĩa vụ NT: Mỗi nước ASEAN phải đối xử với các nhà đầu tư của các nước ASEAN khác và khoản đầu tư của họ không kém thuận lợi hơn những gì đã dành cho nhà đầu tư của nước mình, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn trong phạm vi tiếp nhận, thành lập, nắm giữ, mở rộng, quản lý, vận hành và định đoạt đầu tư.

Nghĩa vụ về SMBD: Không yêu cầu về quốc tịch đối với Nhân sự quản lý cấp cao, không yêu cầu về việc thành viên Hội đồng quản trị phải có quốc tịch hay cư trú tại nước sở tại.

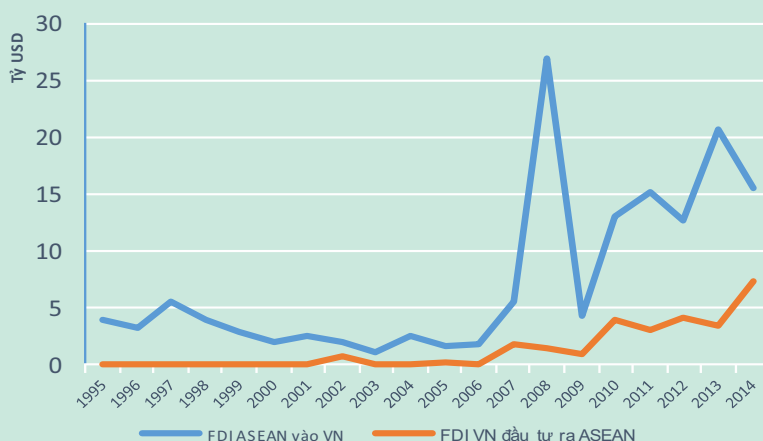
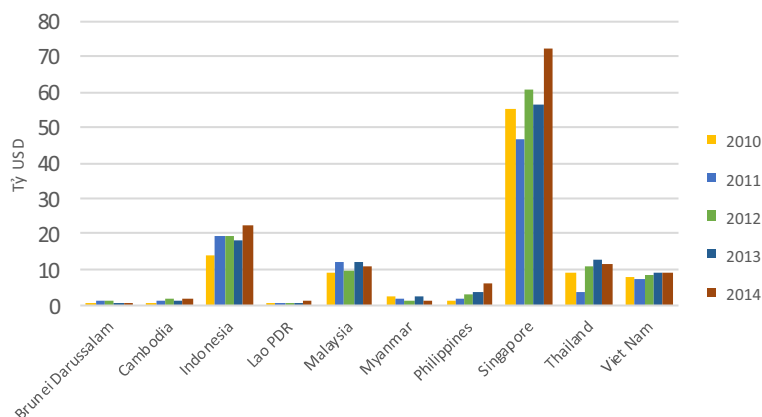
Ý nghĩa đối với nhà đầu tư

Doanh nghiệp Việt Nam có các cơ hội đầu tư trong khu vực (đặc biệt là các nước láng giềng Lào, Campuchia, Myanmar) với độ ổn định, minh bạch cao và rủi ro thấp hơn. Cụ thể, doanh nghiệp có cơ hội đầu tư vào các ngành được tự do hóa và mở rộng thị trường trong ASEAN cho các hàng hóa và dịch vụ của mình. Doanh nghiệp yên tâm về việc sẽ được hưởng đối xử bình đẳng và công bằng trong hoạt động đầu tư, được bảo hộ khỏi các hành vi trù dập bất hợp pháp. Trong trường hợp có tranh chấp với chính phủ của nước thành viên ASEAN nơi diễn ra hoạt động đầu tư, nhà đầu tư của Việt Nam được phép lựa chọn việc giải quyết tranh chấp thông qua các cơ chế giải quyết tranh chấp khác nhau, bao gồm cơ chế tòa án hay hành chính của nước thành viên ASEAN đó hoặc Hệ thống Quốc tế Giải quyết Tranh chấp (ISDS).

Từ góc độ vĩ mô, các sáng kiến về đầu tư trong khuôn khổ Cộng đồng Kinh tế ASEAN góp phần nâng cao tính hấp dẫn đầu tư của cả khu vực ASEAN. Việt Nam, với vị trí địa lý thuận lợi là một cửa ngõ quan trọng của Cộng đồng Kinh tế ASEAN và có một nền tảng sản xuất tốt, có tính hấp dẫn cao với các nhà đầu tư toàn cầu, các doanh nghiệp đa quốc gia trong việc thiết lập cơ sở sản xuất tại Việt Nam.

Kết quả đầu tư

FDI vào các nước ASEAN



Trong bối cảnh hội nhập kinh tế ASEAN tiến triển, đầu tư vào ASEAN hồi phục và tăng trưởng đều đặn sau cuộc khủng hoảng tài chính-kinh tế năm 2008, đạt 136,2 tỷ USD năm 2014. Việt Nam là một nước thu hút đầu tư chính trong số các nước ASEAN, sau Singapore, Indonesia, Thái Lan và Malaysia.

Xét riêng về đầu tư nội khối, 8 nước ASEAN có đầu tư FDI tại Việt Nam là Singapore, Malaysia, Thái Lan, Brunei, Indonesia, Philippines, Lào và Campuchia. Tổng số dự án FDI của 8 nước trên tới hết năm 2015 là 2.813 dự án với tổng vốn đầu tư đạt 59 tỷ USD, chiếm 14% tổng số dự án và 15% tổng vốn đầu tư của cả nước. Singapore đứng đầu với 35 tỷ USD. Đầu tư tập trung vào lĩnh vực chế biến, chế tạo, bất động sản, ăn uống lưu trú, xây dựng, v.v.

Việt Nam cũng đầu tư ra các nước láng giềng. Việt Nam đã có hơn một ngàn dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 20 tỷ USD ra nước ngoài, trong đó khoảng 53% sang ASEAN, tập trung vào các nước láng giềng Campuchia, Lào và Myanmar. Đầu tư tập trung vào ngành khai khoáng, nông, lâm, ngư nghiệp. Đây là những lĩnh vực đầu tư mà Việt Nam có thế mạnh. Những năm gần đây, các doanh nghiệp Việt Nam còn đầu tư sang nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác như thông tin, truyền thông, sản xuất điện, bất động sản, hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm...



Hội nhập tài chính và các biện pháp thuế

Thuế

ASEAN cũng hướng đến việc xây dựng một mạng lưới hiệu quả các hiệp định song phương về tránh đánh thuế hai lần giữa các nước để giảm chi phí kinh doanh. Một hiệp định tránh đánh thuế hai lần giúp tạo ra sự chắc chắn cho các doanh nghiệp và cá nhân về thuế phải trả đối với khoản thanh toán hay thu nhập nhận được.

Việt Nam đã có hiệp định tránh đánh thuế hai lần với tất cả các nước thành viên ASEAN khác, trừ Campuchia.

Dòng thương mại và đầu tư ngày càng gia tăng trong ASEAN cần đến sự hỗ trợ của một hệ thống tài chính khu vực. Điều này dẫn đến nhu cầu tự do hóa tài khoản vốn và liên kết các thị trường vốn quốc gia. Đồng thời, sự phát triển của các ngân hàng khu vực, thị trường bảo hiểm cạnh tranh, thị trường vốn hội nhập và có tính thanh khoản cao, hệ thống thanh toán hiệu quả sẽ tạo thuận lợi hơn nữa cho tăng trưởng kinh tế trong khu vực. Sự phát triển của các thị trường vốn và tài chính ASEAN củng cố vị thế của ASEAN để đối phó với các cú sốc từ bên ngoài và giúp đưa vốn đến nơi cần thiết. Điều này đạt được thông qua:

Tự do hóa dịch vụ tài chính

Loại bỏ các hạn chế đối với việc cung ứng dịch vụ tài chính bởi các nhà cung ứng dịch vụ tài chính ASEAN cho các thị trường nội địa ASEAN

Tự do hóa tài khoản vốn

Dòng vốn tự do hơn trong khu vực

Phát triển thị trường vốn

Xây dựng năng lực và hạ tầng cho sự phát triển của các thị trường vốn ASEAN

Hài hòa hóa hệ thống thanh toán

Hài hòa hóa luật và quy định trong nước và tạo kết nối giữa các hệ thống

Các sáng kiến hỗ trợ khác

Xây dựng năng lực, các thỏa thuận cấp vốn khu vực, tổ chức đối thoại và thực hiện các hoạt động giám sát khu vực

Ý nghĩa đối với doanh nghiệp và người tiêu dùng

Khuôn khổ Hội nhập Ngân hàng ASEAN (ABIF) là một nền tảng cho phép hai hay nhiều nước thành viên ASEAN thỏa thuận với nhau về các lĩnh vực cụ thể để tăng cường tự do hóa trên cơ sở nhu cầu thương mại của các ngân hàng của mình. Các ngân hàng đáp ứng các tiêu chí đối với việc tham gia ABIF và yêu cầu về tính thận trọng có cơ hội mở rộng tiếp cận thị trường và nâng cao tính linh hoạt trong hoạt động kinh doanh, qua đó hỗ trợ tốt hơn các doanh nghiệp quốc gia khi phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các nước ASEAN.



1
Tiếp cận tài chính tốt hơn

Các thị trường vốn hội nhập sâu và có tính thanh khoản cao trong khu vực, với sự hỗ trợ của hệ thống thanh toán hiệu quả và dòng vốn tự do hơn sẽ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp muốn huy động vốn bằng cách phát hành chứng khoán trong khu vực. ASEAN đã có các tiêu chuẩn hài hòa về cung cấp thông tin để đáp ứng luật và quy định của các nước trong khu vực khi chào bán chứng khoán. Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam chưa tham gia chương trình này.



2
Giảm chi phí kinh doanh

Thị trường bảo hiểm cạnh tranh sẽ giúp giảm chi phí bảo hiểm các rủi ro kinh doanh, qua đó giúp kích thích tăng trưởng kinh tế và thương mại nội khối. Các nước thành viên ASEAN đã nhất trí ưu tiên việc tự do hóa cung ứng các dịch vụ bảo hiểm đối với vận tải qua biên giới, bao gồm vận tải đường biển, đường hàng không và hàng hóa quá cảnh quốc tế.



3
Nâng cao chất lượng dịch vụ tài chính, tăng cường cơ hội đầu tư

Nhờ hội nhập dịch vụ tài chính, chất lượng dịch vụ tài chính cung ứng cho người tiêu dùng ASEAN được cải thiện và nâng cao khả năng tiếp cận phục vụ các khu vực xa xôi.

Hội nhập thị trường vốn giúp mang lại cơ hội đầu tư cho các nhà đầu tư trong các thị trường ASEAN. Hiện nay mạng lưới thương mại ASEAN là phương thức điện tử mới kết nối các sàn giao dịch chứng khoán của 3 nước Malaysia, Singapore và Thái Lan.

Hợp tác năng lượng

Hợp tác năng lượng trong ASEAN diễn ra trên cơ sở Kế hoạch Hành động ASEAN về Hợp tác Năng lượng (APAEC). Đây là khuôn khổ chung cho các sáng kiến củng cố an ninh năng lượng, tăng cường tiếp cận và đảm bảo sự bền vững của các nguồn năng lượng trong khu vực. ASEAN đã phối hợp thành công trong việc thực hiện các dự án nổi bật là Mạng lưới điện ASEAN và Hệ thống kết nối đường ống khí đốt. Dù gặp nhiều thách thức về phạm vi và mức độ phức tạp của các dự án này, tới nay ASEAN đã triển khai được 6 trong tổng cộng 16 dự án kết nối điện và 12 đường ống dẫn khí đốt song phương kéo dài 3.377km. ASEAN cũng đã phối hợp triển khai các sáng kiến về nâng cao hiệu quả năng lượng (EE), năng lượng tái tạo (RE) và nhiệt điện sạch. Thông qua các sáng kiến như Giải thưởng năng lượng ASEAN, chương trình kiểm toán năng lượng, xây dựng năng lực để thực hiện các tiêu chuẩn và dán nhãn năng lượng, phát triển năng lượng mặt trời, ASEAN nâng cao diện phủ năng lượng trong khu vực và gia tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng phát năng lượng.

Ý nghĩa đối với doanh nghiệp

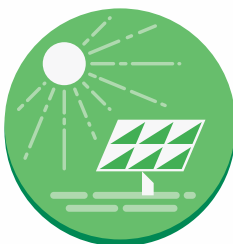
Nguồn năng lượng được đa dạng hóa và đảm bảo an ninh năng lượng trong khu vực. Các dự án được triển khai không những chỉ là các cơ hội đầu tư cho các doanh nghiệp chuyên ngành và doanh nghiệp cung ứng hàng hóa, dịch vụ liên quan mà các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh khác có điều kiện tiếp cận năng lượng ổn định, tin cậy.

Các lĩnh vực tiềm năng cho doanh nghiệp

Nhiệt điện than sạch: Nhiệt điện than tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong nguồn phát điện của ASEAN nói chung và Việt Nam nói riêng. Khu vực tư nhân có thể tham gia xây dựng năng lực và đưa ra các giải pháp sáng tạo vận dụng công nghệ than sạch để đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng gia tăng.

Năng lượng hiệu quả: Khu vực tư nhân có thể tham gia cung cấp các giải pháp sáng tạo và tối ưu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, bao gồm các giải pháp, dịch vụ về quản lý năng lượng và tài trợ vốn cho việc chuyển đổi sử dụng năng lượng hiệu quả.

Năng lượng mặt trời, điện hóa nông thôn và năng lượng sinh khối: Đây là các lĩnh vực tiềm năng cho sự tham gia của khu vực tư nhân trong việc phát triển các nguồn năng lượng tái tạo trong thời gian tới. Ngành năng lượng đòi hỏi sự phát triển các nguồn phát điện này và năng lực phân phối, truyền tải liên quan để nâng cao tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng phát và tiêu thụ năng lượng.



Chính sách cạnh tranh

Các nước thành viên ASEAN coi trọng việc xây dựng thị trường cạnh tranh và nỗ lực ban hành luật và chính sách cạnh tranh quốc gia. Hiện nay 8/10 nước (trừ Lào và Campuchia) đã có luật cạnh tranh. Thị trường cạnh tranh cho phép doanh nghiệp tham gia thị trường một cách nhanh chóng, nhờ đó đem lại nhiều sáng kiến, giải pháp mới thể hiện qua các chủng loại hàng hóa, dịch vụ mới, thỏa mãn nhu cầu của người tiêu dùng.



Ý nghĩa đối với doanh nghiệp và người tiêu dùng

Chính sách cạnh tranh đem lại lợi ích cho người tiêu dùng thông qua sự xuất hiện của nhiều hàng hóa và dịch vụ mới để người tiêu dùng lựa chọn và thỏa mãn nhu cầu của mình. Chính sách cạnh tranh cũng đảm bảo doanh nghiệp luôn phải năng động, đổi mới và nắm bắt kịp thời nhu cầu của thị trường.



Chính sách cạnh tranh thúc đẩy hiệu quả và năng suất. Ở cấp độ vi mô, doanh nghiệp có động lực phải tìm kiếm cách thức tốt nhất để sản xuất hàng hóa và dịch vụ, nhờ đó gia tăng năng suất và hiệu quả lao động. Việc nâng cao hiệu quả lao động sẽ đem lại mức độ tăng trưởng và phát triển kinh tế cao hơn ở cấp độ vĩ mô nền kinh tế.



Chính sách cạnh tranh có thể củng cố sự đổi mới. Doanh nghiệp sẽ phải liên tục phát triển các ý tưởng, dịch vụ và hàng hóa mới để tồn tại và mạnh mẽ hơn.



Chính sách cạnh tranh cũng giúp các doanh nghiệp mới dễ dàng tham gia thị trường. Chính sách giúp ngăn chặn các hành vi hạn chế cạnh tranh gây cản trở cho các doanh nghiệp mới tham gia, hoạt động trên thị trường và mở ra các cơ hội kinh doanh mới cả trong nước lẫn nước ngoài.

Chính sách cạnh tranh bao gồm:

» Chính sách thúc đẩy cạnh tranh trên thị trường trong nước và khu vực nhằm tăng cường thương mại, loại bỏ các hành vi hạn chế thương mại, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia và rút lui khỏi thị trường trong trường hợp cần thiết, giảm thiểu các hành động can thiệp vào thị trường của chính phủ để các nhân tố thị trường đóng vai trò quyết định.

» Luật pháp cạnh tranh bao gồm luật và quy định nhằm loại bỏ các hành vi hạn chế cạnh tranh, lợi dụng vị thế thống lĩnh trên thị trường và các hoạt động sáp nhập để hạn chế cạnh tranh.

Chính sách cạnh tranh giúp thúc đẩy và bảo vệ môi trường cạnh tranh, tạo ra một sân chơi bình đẳng cho các thành phần kinh tế trên thị trường. Cạnh tranh công bằng và hiệu quả góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng trưởng và phát triển kinh tế, lợi ích cho người tiêu dùng. Chính sách cạnh tranh củng cố các chính sách khác của chính phủ như chính sách thương mại, chính sách công nghiệp, tiến trình cải cách cơ cấu kinh tế và giúp đạt được các mục tiêu kinh tế-xã hội khác như phát triển doanh nghiệp, sáng tạo và đổi mới, đa dạng hóa phát triển công nghiệp và tạo công ăn việc làm.

Quyền sở hữu trí tuệ

Sở hữu trí tuệ (IP) là một nhân tố quan trọng trong nền kinh tế toàn cầu ngày nay. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nhằm phát huy tới mức cao nhất tiềm năng thương mại của sáng tạo, qua đó thúc đẩy sự sáng tạo để tạo ra của cải, vật chất cho xã hội. Với nhận thức đó, ASEAN đã thành lập Nhóm Công tác về Hợp tác Sở hữu Trí tuệ (AWGIPC) rất sớm, từ năm 1996 với mục tiêu thúc đẩy hợp tác về cải thiện hạ tầng và cơ chế liên quan đến sở hữu trí tuệ.

Các sáng kiến và hành động của AWGIPC

1

Hợp tác Kiểm tra Bằng sáng chế (ASPEC)

ASPEC là nền tảng khu vực đầu tiên về phối hợp công tác sở hữu trí tuệ giữa các cơ quan có thẩm quyền của các nước thành viên ASEAN. ASPEC cho phép chia sẻ kết quả tìm kiếm và kiểm tra nội dung nhằm nâng cao hiệu quả công tác cấp bằng sáng chế.

2

Cổng thông tin Sở hữu Trí tuệ của ASEAN

Cổng thông tin Sở hữu Trí tuệ ASEAN là một nền tảng cung cấp thông tin và dịch vụ về sở hữu trí tuệ của khu vực. Cổng thông tin này có các công cụ như Tra cứu Thương hiệu ASEAN (ASEAN Tmview), là một cơ sở dữ liệu có hơn 2,5 triệu nhãn hiệu, công cụ thống kê, nghiên cứu về việc vận dụng hiệu quả sở hữu trí tuệ, cơ sở dữ liệu vụ việc pháp lý và các công cụ hữu ích khác sẽ được bổ sung trong thời gian tới. Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam (và Myanmar) chưa tham gia ASEANTMview.

3

Gia nhập các hiệp định của WIPO

Tới nay, 8/10 nước thành viên ASEAN đã là thành viên của Hiệp định của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) về bằng sáng chế (Hiệp định hợp tác bằng sáng chế), 4/10 là thành viên của Hiệp định về nhãn hiệu (Nghị định thư Madrid) và 5 nước sẽ gia nhập trong thời gian tới. Về kiểu dáng công nghiệp, 2/10 là thành viên của Hiệp định Hague. Các hiệp định này cho phép doanh nghiệp của bất cứ một nước nào tham gia hiệp định được đề nghị các nước khác cũng tham gia hiệp định cấp văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ.

4

Lập nhóm đặc trách

ASEAN có các nhóm đặc trách để xem xét các vấn đề liên quan đến bằng sáng chế, nhãn hiệu hay việc thực thi bảo hộ.

Ý nghĩa đối với doanh nghiệp

- » Giúp làm giảm đáng kể chi phí về thời gian và tiền bạc cho doanh nghiệp trong quá trình nộp hồ sơ cấp văn bằng bảo hộ.
- » Giúp doanh nghiệp nhanh chóng nhận thức được đầy đủ tầm quan trọng và quen thuộc với việc bảo hộ sở hữu trí tuệ trong khu vực.
- » Cung cấp thông tin và các dịch vụ miễn phí cho doanh nghiệp tại Cổng thông tin Sở hữu Trí tuệ.
- » Cung cấp tiếp cận trực tuyến cho doanh nghiệp trong việc đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ ở nhiều nước thành viên trong khu vực.

Bảo vệ người tiêu dùng

Các quy định về bảo vệ người tiêu dùng đảm bảo rằng doanh nghiệp sẽ tuân thủ việc đối xử với người tiêu dùng một cách công bằng và đưa ra những chỉ dẫn rõ ràng cho người tiêu dùng khi muốn khiếu nại về hành vi không công bằng của doanh nghiệp trong giao dịch. Tới nay 9 nước ASEAN (trừ Campuchia) đã có luật bảo vệ người tiêu dùng.

Ủy ban ASEAN về Bảo vệ người tiêu dùng (ACCP) có nhiệm vụ hợp tác để đảm bảo việc bảo vệ người tiêu dùng trong khu vực. Các sáng kiến của ASEAN bao gồm việc chia sẻ thông tin và củng cố hợp tác xuyên biên giới để thực thi việc bảo vệ người tiêu dùng và giải quyết các khiếu nại. Điều này có lợi cho cả doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Ý nghĩa đối với doanh nghiệp và người tiêu dùng

» Người tiêu dùng có thể tìm kiếm được thông tin liên quan đến việc bảo vệ người tiêu dùng ở mỗi nước thành viên ASEAN thông qua trang thông tin điện tử của ACCP (www.aseanconsumer.org/), bao gồm thông tin liên hệ với cơ quan bảo vệ người tiêu dùng, thông tin về các sản phẩm thu hồi và bị cấm ở mỗi nước. Người tiêu dùng Việt Nam khi đi sang các nước thành viên ASEAN và gặp phải các vấn đề đối xử không công bằng có thể phản hồi hoặc khiếu nại một cách nhanh chóng. Các doanh nghiệp cũng được hưởng lợi từ việc hiểu rõ các phương thức để bảo vệ người tiêu dùng và sự tin cậy của người tiêu dùng sẽ dẫn đến việc gia tăng mua sắm hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

Hợp tác ASEAN về lương thực, nông nghiệp và lâm nghiệp bao gồm các hoạt động ở cấp độ khu vực để củng cố tính cạnh tranh quốc tế của các sản phẩm nông lâm nghiệp của ASEAN và đảm bảo an ninh lương thực trong khu vực.

Hợp tác bao gồm việc chia sẻ thông tin, phối hợp sản xuất vụ mùa, các công đoạn sau thu hoạch, huấn luyện, nghiên cứu và phát triển và xúc tiến thương mại các sản phẩm nông lâm thủy sản. Việc hài hòa hóa chất lượng và tiêu chuẩn, đảm bảo an toàn thực phẩm và chuẩn hóa chứng chỉ thương mại cũng là các ưu tiên của ASEAN.

Hợp tác về lương thực, nông lâm nghiệp

Ý nghĩa đối với doanh nghiệp

» Nhờ việc cắt giảm hàng rào thuế quan và phi thuế quan trong ASEAN, thương mại về các sản phẩm nông lâm thủy sản gia tăng và mang lại lợi ích cho người tiêu dùng ở các nước thành viên ASEAN.



Phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ

Doanh nghiệp vừa và nhỏ là một thành phần kinh tế quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam nói chung và ASEAN nói riêng. Doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng góp quan trọng cho thu nhập và việc làm trong nền kinh tế, đặc biệt là vấn đề xóa đói giảm nghèo do phần lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ nằm ở vùng nông thôn, các khu vực xa xôi. Ở Việt Nam, doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm hơn 97% tổng số doanh nghiệp, đóng góp tới 50% GDP, 33% thu ngân sách, 62% việc làm trong cả nước, 49% giá trị gia tăng cho nền kinh tế.

Nhóm Công tác của ASEAN về doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEWG) thực hiện các hoạt động trong 5 lĩnh vực chủ chốt sau:



**Cải thiện
năng suất,
công nghệ và
đổi mới**



**Tăng cường
khả năng tiếp
cận tài chính**



**Tăng cường
các cơ hội tiếp
cận thị trường**



**Tiếp cận
thông tin và
dịch vụ tư vấn
hỗ trợ**



**Thúc đẩy
tinh thần
doanh nghiệp
và vốn con người**

Nhóm Công tác của ASEAN về doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEWG)

Nhóm Công tác thúc đẩy việc hợp tác nhằm tạo ra một môi trường quản lý thuận lợi cho sự phát triển của doanh nghiệp vừa và nhỏ trong khu vực. Mục tiêu này đạt được thông qua việc xây dựng chính sách, chương trình và sáng kiến xây dựng năng lực của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Một số dự án điển hình đã được Nhóm Công tác thực hiện bao gồm:

» Danh bạ các doanh nghiệp vừa và nhỏ sáng tạo

Giới thiệu các doanh nghiệp vừa và nhỏ ASEAN và các sản phẩm, dịch vụ sáng tạo của các doanh nghiệp này trong khu vực.

» Mạng lưới vườn ươm doanh nghiệp ASEAN

Tạo thuận lợi để các vườn ươm trong nước kết nối doanh nghiệp khởi nghiệp trong nước với các vườn ươm nước ngoài để phát huy các cơ hội kinh doanh trên thị trường các nước thành viên ASEAN.

» Chương trình giới thiệu và hội thảo ASEAN về doanh nghiệp vừa và nhỏ

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể vận dụng các chương trình giới thiệu và hội thảo để quảng bá sản phẩm, dịch vụ và công nghệ của mình nhằm phát huy các cơ hội kết nối mạng lưới và kinh doanh.

» Trung tâm dịch vụ doanh nghiệp vừa và nhỏ

Cổng thông tin điện tử doanh nghiệp vừa và nhỏ ASEAN (www.aseansme.org) hướng đến trở thành trung tâm dịch vụ một cửa cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Điều này được thực hiện bằng cách tích hợp dịch vụ dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ cung cấp ở tất cả các nước thành viên ASEAN, bao gồm thông tin liên quan đến doanh nghiệp vừa và nhỏ trong khu vực, các FTA của ASEAN và kết nối đến các nhà cung cấp dịch vụ SME.

Ý nghĩa đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ

Các doanh nghiệp có thể tận dụng tất cả các cơ hội mà Cộng đồng Kinh tế ASEAN mang lại. Doanh nghiệp vừa và nhỏ nên tìm hiểu tất cả các lợi ích cụ thể được thiết kế cho loại hình doanh nghiệp của mình.

Ví dụ về các lợi ích cho doanh nghiệp vừa và nhỏ

1

Thủ tục hải quan đơn giản, thuận lợi hơn

Thủ tục hải quan để thông quan hàng hóa trở nên đơn giản hơn và yêu cầu chứng từ nhất quán hơn giữa 10 nước thành viên ASEAN. Hệ thống quá cảnh hải quan ASEAN là một hệ thống tự động theo dõi quá trình di chuyển của hàng hóa qua cảnh các nước ASEAN sẽ giúp làm giảm bớt việc chậm trễ thông quan và sự thiếu ổn định của quá trình thông quan. Nhờ việc đơn giản hóa thủ tục hải quan, doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể:

- » Đạt lợi nhuận cao hơn nhờ quá trình thông quan nhanh chóng hơn
- » Hưởng lợi nhờ kết nối thương mại hàng hóa tốt hơn
- » Thiết lập chuỗi cung ứng ổn định và an toàn hơn
- » Giảm chi phí nhờ giảm thời gian di chuyển của hàng hóa qua biên giới

2

Tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

Hiện tại, Việt Nam đã triển khai thí điểm tự chứng nhận xuất xứ theo Thông tư số 28/2015/TT-BCT ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2015. Trong thời gian tới, khi ASEAN thống nhất về cơ chế tự chứng nhận xuất xứ, doanh nghiệp vừa và nhỏ được công nhận có thể tự chứng nhận hàng hóa của mình đáp ứng các yêu cầu về xuất xứ hàng hóa của Hiệp định ATIGA để được hưởng ưu đãi thuế quan. Ngoài ra, các doanh nghiệp này còn được hưởng các lợi ích như sau:

- » Việc thông quan hàng hóa trôi chảy hơn
- » Dễ dàng thâm nhập các thị trường mới hơn
- » Giảm thiểu các gánh nặng về hành chính

3

Hài hòa hóa các tiêu chuẩn

ASEAN đang nỗ lực hài hòa hóa các tiêu chuẩn và quy chuẩn để hàng hóa có thể di chuyển qua biên giới các nước thành viên dễ dàng. Việc xuất khẩu một số loại hàng hóa như nông sản thường gặp khó khăn do sự khác biệt về quy định liên quan ở các nước. Nhờ việc hài hòa hóa các tiêu chuẩn, doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể đáp ứng dễ dàng hơn:

- » Các quy tắc và quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật
- » Yêu cầu và nhu cầu của thị trường do các doanh nghiệp này thường thiếu kiến thức và nguồn lực quản trị các thủ tục và đầu mối liên hệ liên quan trong quá trình hoạt động kinh doanh.

4

Môi trường kinh doanh thuận lợi hơn

Hiệp định Đầu tư Toàn diện ASEAN (ACIA) ràng buộc các nước thành viên ASEAN phải tạo thuận lợi, mở cửa, xúc tiến và bảo hộ đầu tư xuyên biên giới trong khu vực ASEAN. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ có hoạt động đầu tư trong ASEAN cũng được hưởng lợi:

- » Chi phí và rủi ro kinh doanh thấp hơn
- » Được đối xử bình đẳng và công bằng trong đầu tư và được bảo hộ khỏi các hành vi trộm cắp bất hợp pháp

5

Chi phí kinh doanh và tài chính thấp hơn

Các nỗ lực của ASEAN trong việc hội nhập tài chính trong khu vực góp phần cải thiện môi trường kinh doanh trong ASEAN và giúp làm giảm chi phí kinh doanh và tài chính. Doanh nghiệp vừa và nhỏ được hưởng lợi từ:

- » Giảm chi phí bảo hiểm rủi ro kinh doanh
- » Mở rộng cơ hội và hiệu quả tiếp cận các dịch vụ tài chính của các ngân hàng khu vực



Phát triển hạ tầng

ASEAN đã thiết lập một Thị trường Hàng không Thống nhất ASEAN (ASAM), một Thị trường Hàng hải Thống nhất ASEAN (ASSM) và sẽ đàm phán, ký kết nhiều hiệp định vận tải trong thời gian tới.



HÀNG KHÔNG

Thị trường Hàng không Thống nhất ASEAN (ASAM):

- » Cơ hội cho các hãng hàng không ASEAN, trong đó có các hãng hàng không của Việt Nam, tiếp cận thị trường và cung cấp dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa giữa Việt Nam và một thành viên ASEAN, kể cả việc quá cảnh qua một nước thành viên ASEAN khác.
- » Cơ hội cho các doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho dịch vụ vận tải hàng không, chẳng hạn như sửa chữa và bảo dưỡng máy bay
- » Nâng cao tiêu chuẩn an toàn bay và thiết lập một hệ thống quản lý bay kết nối cao trong ASEAN sẵn sàng cho việc gia tăng giao thông hàng không trong khu vực
- » ASEAN đã hoàn tất đàm phán hiệp định dịch vụ hàng không với Trung Quốc, tạo cơ hội cho các hãng chuyên chở hàng không ASEAN tiếp cận thị trường này; đang đàm phán với các đối tác khác như Nhật Bản.

Lợi ích:

- » Tăng cường kết nối hàng không, tạo cơ hội vận chuyển và di chuyển xuyên biên giới cho sản phẩm và người dân ASEAN với nhiều lựa chọn về dịch vụ, giá cước và điểm đến
- » Giảm thiểu những hạn chế đối với các doanh nghiệp ASEAN trong việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không qua biên giới các nước ASEAN.



HÀNG HẢI

Thị trường Hàng hải Thống nhất (ASSM):

- » Nhằm tự do hóa việc cung ứng dịch vụ hàng hải, giúp các doanh nghiệp dịch vụ hàng hải ASEAN có thể cung cấp dịch vụ và thiết lập hiện diện xuyên biên giới cho mục đích vận tải hàng hóa trong khu vực.

Lợi ích:

- » Tăng cường kết nối hàng hải trong ASEAN, thông qua hoạt động hiệu quả hơn của các cảng biển, giúp giảm chi phí; đồng thời giúp việc vận tải hàng hóa trở nên thuận tiện và hiệu quả, qua đó mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu và người tiêu dùng ASEAN



ĐƯỜNG BỘ

- » ASEAN đang triển khai nhiều hiệp định vận tải nhằm tạo thuận lợi cho di chuyển của hành khách và hàng hóa trong khu vực. Việc hợp tác này thúc đẩy du lịch, đầu tư và thương mại giữa các nước thành viên ASEAN

Lợi ích:

- » Hành khách và phương tiện vận tải từ và đến Việt Nam sẽ gặp phải ít khó khăn hành chính hơn trong việc di chuyển qua biên giới các nước thành viên ASEAN khác

Hợp tác ICT

Hợp tác về Công nghệ Thông tin và Truyền thông (ICT) trong ASEAN căn cứ theo Kế hoạch Tổng thể về ICT của ASEAN 2015 nhằm đưa ICT trở thành một nhân tố thúc đẩy hội nhập kinh tế và xã hội trong ASEAN. Thông qua việc xây dựng một nền tảng ICT, nguồn nhân lực có kỹ năng cao và một môi trường chính sách và quản lý thích hợp, ICT có thể giúp chuyển biến ASEAN thành một trung tâm ICT năng động và nhiều cơ hội cho tất cả mọi người, để ASEAN trở thành một khu vực lý tưởng cho hoạt động kinh tế. Kể từ khi thực hiện Kế hoạch Tổng thể về ICT của ASEAN đến 2015, mức độ phổ cập Internet của ASEAN đã tăng từ 8% năm 2000 lên 44% năm 2014, trên mức bình quân của khu vực châu Á-Thái Bình Dương (36%), đồng thời mức độ phổ cập điện thoại di động tăng từ 14% lên 122%. Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ ICT tăng tương ứng 50% và 8% từ năm 2010-2013.

Mục tiêu chiến lược	Hợp tác chủ chốt
	Tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi trong ASEAN để giúp thu hút và thúc đẩy thương mại, đầu tư và tinh thần doanh nhân trong lĩnh vực ICT. Nội dung hợp tác bao gồm cải thiện luật và chính sách về viễn thông và phát triển công nghệ trong ASEAN, hài hòa hóa và tăng cường phối hợp về quy định và tiêu chuẩn trong lĩnh vực ICT.
 Tăng cường tham gia của người dân	Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân ASEAN bằng việc tăng cường tiếp cận và cung cấp các dịch vụ ICT có chi phí hợp lý, đặc biệt ở các vùng còn khó khăn. Việc hợp tác bao gồm cung ứng các dịch vụ công bằng phương tiện điện tử (chính phủ điện tử), thúc đẩy các giao dịch an toàn thông qua Khuôn khổ giao dịch điện tử an toàn nội khối ASEAN và giảm chi phí chuyển vùng quốc tế trong khu vực.
 Sáng tạo	Phát triển một ngành ICT sáng tạo trong ASEAN bằng cách thể hiện sự đánh giá cao thành tựu đạt được của các doanh nghiệp thông qua Giải thưởng ICT ASEAN hàng năm, tạo thuận lợi cho việc trao đổi và kết nối mạng lưới thông qua Diễn đàn Giám đốc Công nghệ thông tin ASEAN và Sàn giao dịch nội dung số ASEAN.
 Phát triển hạ tầng	Thiết lập một hệ thống chính sách và quy định tạo thuận lợi cho sự phát triển hạ tầng ICT để cung cấp dịch vụ ICT tới tất cả các cộng đồng trong ASEAN, thu hút doanh nghiệp và đầu tư vào khu vực. Hợp tác bao gồm việc trao đổi để đưa ra các khuyến nghị trong khuôn khổ sáng kiến Hành lang Băng thông rộng ASEAN nhằm tăng cường cung ứng các dịch vụ phổ quát, mở rộng cung ứng băng thông rộng với chi phí hợp lý và phát triển các cơ chế đảm bảo an toàn mạng lưới và thông tin như Hội đồng Hành động an ninh mạng ASEAN và Diễn tập đối phó với các sự cố điện toán ASEAN.
 Phát triển vốn con người	Giúp các công dân ASEAN có được những kỹ năng cần thiết để hưởng lợi đầy đủ từ ICT và xây dựng một lực lượng ICT đủ khả năng. Các hoạt động bao gồm Chương trình Học bổng ICT ASEAN và Khuôn khổ Tiêu chuẩn và Nâng cấp Kỹ năng ICT ASEAN.
 Thu hẹp khoảng cách về số Lợi ích của hợp tác ICT	Tập trung vào việc thu hẹp khoảng cách về số giữa các nước thành viên ASEAN do sự khác biệt về trình độ phát triển trong ASEAN thông qua nhiều sáng kiến như tăng cường Nghĩa vụ Cung cấp Dịch vụ Phổ quát và Chương trình Trại hè về Điện toán cho thanh thiếu niên ASEAN.

Lợi ích của hợp tác ICT

- » Tạo ra khuôn khổ thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp và đầu tư xét từ các góc độ tiếp cận thị trường, đảm bảo sự ổn định về quy định và tăng cường minh bạch hóa
- » Cho phép tiếp cận rộng rãi mạng Internet và kết nối băng thông rộng để phát triển một nền kinh tế Internet năng động trong ASEAN
- » Cho phép tiếp cận rộng rãi hơn và thuận lợi hơn các dịch vụ công
- » Phát triển lực lượng và chuyên gia về ICT của ASEAN
- » Xây dựng một môi trường điện toán an toàn thông qua nâng cao nhận thức về an ninh mạng và phối hợp chặt chẽ giữa các nước thành viên ASEAN để đối phó với các mối nguy về điện toán.



NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Số 46 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Chịu trách nhiệm xuất bản: TRẦN ĐOÀN LÂM

Biên tập: Đặng Thị Minh

In 2.000 bản, khổ 18 cm x 25,5 cm tại Công ty Cổ phần in Thiên Hà

Địa chỉ: Đội 8, Đình Thôn, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Số xác nhận ĐKXB: 3904-2016/CXBIPH/06-218/ThG.

Quyết định XB số: 829/QĐ-ThG cấp ngày 14/11/2016.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2016. Mã ISBN: 978-604-77-2854-1



DỰ ÁN HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI
VÀ ĐẦU TƯ CỦA CHÂU ÂU

Phòng 1203, Tầng 12, Khu Văn phòng
Tòa tháp Hà Nội, 49 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84-4-3937 8472 - Fax: 84-4-3937 8476
Email: mutrap@mutrap.org.vn - Website: www.mutrap.org.vn

SÁCH KHÔNG BÁN

Tài liệu này được xuất bản với sự hỗ trợ tài chính của Liên minh châu Âu. Quan điểm trong tài liệu này là của các tác giả do đó không thể hiện quan điểm chính thức của Liên minh châu Âu hay Bộ Công Thương.